

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2026

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện “Chiến lược Dân số Việt Nam” giai đoạn 2026 - 2030**  
**trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới, Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; trên cơ sở nội dung tham mưu của Sở Y tế tại Văn bản số 4212/TTr-SYT ngày 03/6/2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện “Chiến lược Dân số Việt Nam” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển của tỉnh; tiếp tục chuyển trọng tâm công tác dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; duy trì mức sinh thay thế, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số, thích ứng với già hóa dân số và đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác dân số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

**2. Yêu cầu**

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của các cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương trong thực hiện công tác dân số.

- Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phải bám sát tình hình thực tiễn của tỉnh; phù hợp với đặc điểm dân cư, điều kiện phát triển của từng địa phương, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, lồng ghép hiệu quả các mục tiêu dân số vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển nhằm giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ với sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số cả về thể chất, trí tuệ, tinh thần, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững.

### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

**2.1. Mục tiêu 1: Duy trì mức sinh thay thế, bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số dưới 10 nghìn người**

- Quy mô dân số đạt 1.845,7 nghìn người. Tốc độ tăng dân số bình quân đạt 1,52%.

- Đạt và duy trì mức sinh thay thế (*bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh để có 2,1 con*).

- Mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

- Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là các dân tộc có rất ít người.

**2.2. Mục tiêu 2: Đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phấn đấu duy trì cơ cấu tuổi ở mức hợp lý**

- Tỷ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%.

- Tỷ lệ người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%.

- Tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.

**2.3. Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng dân số**

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%.

- Giảm 50% số cặp tảo hôn và 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (*sàng lọc trước sinh*) đủ 04 bệnh (*Down, Edward, Patau, Thalassemia*) đạt 70%.

- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (*sàng lọc sơ sinh*) đủ 05 bệnh (*suy giáp bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh*) đạt 90%.

- 100% người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất 01 lần/năm.

- Tuổi thọ bình quân đạt từ 75,5 tuổi trở lên, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- Tăng chiều cao trung bình của trẻ em và thanh thiếu niên từ 01 - 18 tuổi thêm tối thiểu 1,5cm.

#### ***2.4. Mục tiêu 4: Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý và bảo đảm quốc phòng, an ninh***

- Tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 45%.

- Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng núi, vùng núi cao, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh.

- Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

#### ***2.5. Mục tiêu 5: Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện phát triển kinh tế - xã hội***

100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc; đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, địa phương.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp**

##### ***1.1. Nội dung***

a) Cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục tổ chức triển khai, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, Luật Dân số số 113/2025/QH15, Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 72- NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày

13/11/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; gắn với quán triệt và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của tỉnh, các cấp, các ngành về dân số và phát triển nhằm thống nhất về nhận thức và đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Duy trì mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

b) Đưa công tác dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ban, ngành, thực hiện lồng ghép các yếu tố dân số vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội do các sở, ngành, địa phương chủ trì xây dựng, thực hiện.

c) Áp dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành, tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết để kịp thời rút kinh nghiệm và điều chỉnh chính sách, giải pháp phù hợp. Đẩy mạnh phân cấp quản lý công tác dân số gắn với trách nhiệm, thẩm quyền của chính quyền địa phương và người đứng đầu. Khuyến khích các địa phương sáng tạo, chủ động đề xuất giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn.

d) Tiếp tục quan tâm đầu tư nguồn lực, kiện toàn tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ đủ năng lực cho công tác dân số. Tăng cường phối hợp liên ngành; phát huy vai trò, huy động sự tham gia tích cực của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về dân số.

### *1.2. Kết quả đầu ra*

- Triển khai, quán triệt kịp thời, đầy đủ văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh.
- Ban hành các Chương trình, Đề án về công tác dân số giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh và địa phương.
- Hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số hằng năm và giai đoạn.

*1.3. Đơn vị chủ trì, thực hiện:* Sở Y tế, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ.

*1.4. Đơn vị phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

## 2. Đổi mới truyền thông, vận động về dân số

### 2.1. Nội dung

a) Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt công tác dân số trong tình hình mới gắn với việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của tỉnh về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân, phổ biến các chủ trương, chính sách về dân số, trọng tâm là Nghị quyết số 21-NQ/TW và Luật Dân số, nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân đối với công tác dân số trong tình hình mới.

Nội dung truyền thông cần được triển khai linh hoạt, đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đơn vị. Định hướng nội dung truyền thông theo hướng chuyển từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Chuyển mục tiêu vận động từ “*mỗi cặp vợ chồng sinh một hoặc hai con*” sang “*mỗi cặp vợ chồng sinh đủ 2 con*”.

Bảo đảm quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi cặp vợ chồng trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt; thực hiện bình đẳng giới, tạo dư luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi, nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

Khơi dậy phong trào thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao tầm vóc, thể lực và nâng cao chất lượng dân số.

b) Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

Đẩy mạnh truyền thông về phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng; phát huy vai trò của người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số; thường xuyên cung cấp thông tin về tình hình công tác dân số cho lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương về tình hình công tác dân số; vận động, phát huy vai trò của chức sắc tôn giáo, các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng tham gia truyền thông; lồng ghép nội dung dân số vào sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hoá, hương ước, quy ước và thiết chế văn hoá của cộng đồng; tiêu chuẩn thôn, bản, tổ dân phố văn hoá, gia đình văn hoá.

c) Trên cơ sở Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, các địa phương, đơn vị tận dụng lợi thế của truyền thông số, truyền thông xã hội với tiêu chí đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức, sát với thực tiễn và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc trưng văn hoá từng vùng, từng đối tượng để chuyển tải các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và

kiến thức dân số trong giai đoạn mới đảm bảo người dân được tiếp cận thông tin nhanh, hiệu quả trên nền tảng ứng dụng chuyển đổi số nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về công tác dân số và phát triển, nhất là hệ thống thông tin ở cơ sở.

d) Nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác truyền thông dân số các cấp thông qua việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng truyền thông cho cán bộ dân số, cộng tác viên dân số, nhà báo, phóng viên. Qua đó, bảo đảm nội dung thông tin được truyền tải chính xác, hấp dẫn và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đồng thời, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho đội ngũ hoạt động không chuyên trách tại thôn, bản, tổ dân phố tham gia tuyên truyền về công tác dân số tại cơ sở.

đ) Công tác tuyên truyền phải được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, nam giới và người cao tuổi.

e) Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng: Huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chính sách dân số.

g) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền dân số trong nhà trường, tập trung tuyên truyền, phổ biến Luật Dân số trong các cơ sở giáo dục, lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, chăm sóc sức khỏe vị thành niên, thanh niên... vào chương trình học chính khóa và ngoại khóa phù hợp với từng cấp học nhằm nâng cao nhận thức cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

## 2.2. Kết quả đầu ra

- Nhận thức người dân được nâng cao, chuyển đổi hành vi của một bộ phận người dân về công tác dân số.

- Nội dung và hình thức truyền thông được đổi mới, đa dạng và ứng dụng công nghệ số, mạng lưới truyền thông phủ rộng đến cơ sở.

- Tăng mức độ tiếp cận thông tin dân số và sự tham gia của cộng đồng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện chính sách dân số.

2.3. Đơn vị chủ trì, thực hiện: Sở Y tế, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ.

2.4. Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

## 3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

### 3.1. Nội dung

a) Trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành, tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Dân số trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, chủ động thực hiện theo thẩm quyền hoặc đề xuất

cơ quan có thẩm quyền xem xét, kịp thời sửa đổi, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Luật Dân số và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan trên địa bàn tỉnh.

b) Căn cứ Luật Dân số 113/2025/QH15, Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật, Thông tư hướng dẫn có liên quan và các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, tổ chức nghiên cứu, xây dựng và tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách dân số và phát triển áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Nội dung Nghị quyết cần bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ và khả thi; phù hợp với tình hình thực tiễn, khả năng cân đối ngân sách địa phương và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác dân số trong giai đoạn hiện nay.

c) Rà soát, ban hành cơ chế chính sách phù hợp để thích ứng với giai đoạn già hóa dân số trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu tham mưu xây dựng Bệnh viện lão khoa; chuyên khoa lão khoa tại các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh; phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành lão khoa; phát triển nguồn nhân lực chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng, bảo đảm người cao tuổi được tiếp cận thuận lợi với dịch vụ y tế, môi trường xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Quan tâm các loại hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, trong đó tiếp tục duy trì và phát triển Trung tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại các xã, phường. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, thành lập câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và tiếp tục triển khai hiệu quả Trung tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng, các Trung tâm, Điểm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng tại một số địa phương nhằm đa dạng các loại hình chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi tại cộng đồng, tổ chức các hoạt động vui chơi, văn hóa văn nghệ thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, đời sống, tinh thần cho người cao tuổi trên địa bàn tỉnh.

đ) Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong chỉ đạo, điều phối hoạt động liên quan tới dân số. Đưa chính sách dân số vào quy ước của khu dân cư, thôn, bản, tổ dân phố phù hợp với quy định của pháp luật. Lồng ghép nội dung công tác dân số với công tác gia đình, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch và thiết chế văn hóa cơ sở.

### 3.2. Kết quả đầu ra

- Rà soát, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp có liên quan đến Luật Dân số thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công.

- Ban hành một số chính sách dân số triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì và phát triển các loại hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

3.3. *Đơn vị chủ trì, thực hiện:* Sở Y tế, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ.

3.4. *Đơn vị phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

## **4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số**

### *4.1. Nội dung*

a) Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ dân số/kế hoạch hóa gia đình phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả các dịch vụ tại tuyến y tế cơ sở bảo đảm mọi người dân được tiếp cận dễ dàng, thuận tiện, tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, sàng lọc vô sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân. Phát triển Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh tỉnh Thái Nguyên thành Trung tâm khu vực.

Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với vị thành niên, thanh niên, tăng cường quản lý nhà nước đối với việc cung cấp các dịch vụ phá thai, loại trừ phá thai không an toàn.

b) Đưa các dịch vụ dân số/sức khỏe sinh sản vào các đợt triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí, kiểm tra sức khỏe cho người dân, các nhóm đối tượng ưu tiên, học sinh, sinh viên, người cao tuổi, trẻ em dưới 06 tuổi, khám sức khỏe cho người lao động... theo quy định và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để khám bệnh miễn phí.

c) Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo liên tục cho người cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai, kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng tại cộng đồng. Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình từ tuyến trên cho tuyến dưới, chú trọng hỗ trợ cho tuyến y tế cơ sở; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

d) Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (LMIS). Đào tạo cho cán bộ thống kê báo cáo về dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

đ) Phát triển trung tâm bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá; phát triển hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế. Phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống dịch vụ phục hồi chức năng; kết hợp hiệu quả giữa các cơ sở y tế và các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phát triển các cơ sở dịch vụ, chăm sóc người cao tuổi. Ưu tiên đầu tư nguồn lực từ ngân sách Nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực xã hội hóa phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư..., đều bình đẳng về cơ hội tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển.

#### 4.2. Kết quả đầu ra

- Mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ dân số/kế hoạch hóa gia đình được mở rộng từ tỉnh đến cơ sở. Đảm bảo người dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, dễ tiếp cận dịch vụ.

- Dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản được cải thiện rõ rệt, mức độ hài lòng của người dân.

- Đa dạng hóa loại hình dịch vụ: Sàng lọc trước sinh, sơ sinh, khám sức khỏe trước khi kết hôn, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình.

- Quản lý ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số.

4.3. Đơn vị chủ trì, thực hiện: Sở Y tế, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ.

4.4. Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

### **5. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu, chuyển đổi số về dân số**

#### 5.1. Nội dung

a) Đẩy mạnh nghiên cứu về dân số và phát triển, nhất là các vấn đề mới, trọng tâm về cơ cấu, chất lượng, phân bố dân số và lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, địa phương. Từng bước hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số bảo đảm tiêu chuẩn kết nối, chia sẻ và liên thông đồng bộ. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dân số gắn với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm đáp ứng các yêu cầu hoàn thiện

hệ thống thông tin, dữ liệu dân cư. Thúc đẩy sự tham gia, kết nối, chia sẻ cập nhật thông tin về dân số; tích hợp các chỉ tiêu về sức khỏe sinh sản trong sổ sức khỏe điện tử cho toàn bộ người dân. Xây dựng cơ chế chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu hiệu quả, bảo đảm an ninh, an toàn phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

b) Nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành sử dụng dịch vụ số cho cán bộ dân số trong chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng, tăng đầu tư sản xuất các sản phẩm truyền thông phổ biến trên các nền tảng số và truyền thông trên mạng xã hội.

c) Tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học, chuyển giao công nghệ y - sinh học tiên tiến về hỗ trợ sinh sản, tránh thai; tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh; dự phòng, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

### *5.2. Kết quả đầu ra*

- Có đề tài, báo cáo nghiên cứu các vấn đề dân số mới của địa phương.
- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu dân số, bảo đảm kết nối, liên thông với các hệ thống liên quan.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác dân số.

### *5.3. Đơn vị chủ trì, thực hiện: Sở Y tế.*

### *5.4. Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.*

## **6. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số**

### *6.1. Nội dung*

a) Tăng mức đầu tư từ ngân sách nhà nước bao gồm cả ngân sách trung ương từ nguồn chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 và ngân sách địa phương. Ngân sách nhà nước bảo đảm đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho triển khai toàn diện công tác dân số và thực hiện các chính sách do nhà nước chi trả. Thực hiện phân cấp cơ chế đầu tư nguồn lực hợp lý giữa tỉnh, xã/phường.

b) Vận động các nguồn hỗ trợ của quốc tế cho các chương trình, dự án về dân số. Huy động sự đóng góp của tư nhân, doanh nghiệp, cộng đồng và người sử dụng dịch vụ. Xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển thị trường, hàng hóa, dịch vụ dân số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

### *6.2. Kết quả đầu ra*

- Theo khả năng cân đối ngân sách và điều kiện, tình hình thực tế, phân bổ, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí, phân bổ kinh phí, nguồn lực để triển khai thực hiện, sử dụng nguồn lực hợp lý, hiệu quả giữa các cấp cho việc triển khai thực hiện công tác dân số.

- Huy động đa dạng nguồn lực ngoài ngân sách để thực hiện công tác dân số (*quốc tế, doanh nghiệp, cộng đồng, người dân*).

6.3. *Đơn vị chủ trì thực hiện:* Sở Y tế, Sở Tài chính, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ.

6.4. *Đơn vị phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

## **7. Kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo**

### *7.1. Nội dung*

a) Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Tiếp tục duy trì và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ công tác viên dân số ở thôn, xóm, bản, làng, tổ dân phố, khu dân cư; đồng thời đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp.

b) Tăng cường phối hợp liên ngành về dân số; củng cố kiện toàn Ban Chỉ đạo Dân số và Phát triển các cấp; phân công cán bộ hoặc tổ chức đảm nhiệm công tác dân số ở các ngành, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ về dân số trên nguyên tắc không tăng biên chế và hình thành tổ chức mới.

c) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng hiện đại, đơn giản hóa và hiệu quả.

d) Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

### *7.2. Kết quả đầu ra*

- Tổ chức bộ máy dân số được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

- Đội ngũ cán bộ và công tác viên dân số được duy trì, đãi ngộ phù hợp, nâng cao năng lực chuyên môn.

- Cơ chế phối hợp liên ngành được tăng cường.

- Thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản, hiện đại, nâng cao hiệu quả quản lý.

7.3. *Đơn vị chủ trì, thực hiện:* Sở Y tế và UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ.

7.4. *Đơn vị phối hợp*: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

7.5. *Thời gian thực hiện*:

- Năm 2026 ổn định tổ chức công tác viên dân số.
- Hằng năm, căn cứ nhu cầu thực tiễn của địa phương tổ chức đào tạo cán bộ dân số các cấp theo lộ trình.

## **8. Tăng cường hợp tác quốc tế**

Đa dạng hóa các hoạt động hợp tác quốc tế để tranh thủ các nguồn lực đầu tư cho công tác dân số, tranh thủ sự đồng thuận, hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm và kỹ thuật của các tổ chức quốc tế về lĩnh vực dân số.

## **IV. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG**

**1. Thời gian**: Kế hoạch thực hiện từ năm 2026 đến năm 2030.

**2. Phạm vi**: Kế hoạch được thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1.** Kinh phí thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Thái Nguyên từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển, ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

**2.** Kinh phí thực hiện kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách tỉnh hằng năm, theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ y tế, dân số theo quy định và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Nhiệm vụ chung**: Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ và Kế hoạch của UBND tỉnh chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp thực hiện lồng ghép trong công tác chuyên môn đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

### **2. Nhiệm vụ cụ thể**

#### **2.1. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy**

a) Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan chỉ đạo, định hướng, hướng dẫn công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số trong tình hình mới; trọng tâm là Nghị quyết số 21-NQ/TW, Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, Luật Dân số và các văn bản có liên quan.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống tuyên giáo, dân vận các cấp lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào công tác tuyên truyền, sinh hoạt chính trị, hoạt động thông tin cơ sở, các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động tại địa phương, cơ sở.

c) Phối hợp định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh tăng cường thông tin, tuyên truyền về công tác dân số và phát triển; kịp thời biểu dương mô hình hay, cách làm hiệu quả; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm chính sách dân số, lựa chọn giới tính thai nhi, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và các biểu hiện lệch lạc trong nhận thức, thực hiện chính sách dân số.

## **2.2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên**

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện tốt chính sách pháp luật về dân số; tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan. Đẩy mạnh tuyên truyền về công tác dân số gắn với thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Gia đình văn hóa”. Tăng cường giám sát, phản biện xã hội trong việc thực hiện các chính sách, pháp luật về dân; kịp thời kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện.

## **2.3. Sở Y tế**

a) Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, hằng năm xây dựng Kế hoạch để triển khai thực hiện, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các tổ chức đoàn thể liên quan tổ chức triển khai thực hiện “Chiến lược Dân số Việt Nam” bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu theo quy định. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

b) Trên cơ sở Luật Dân số số 113/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, tiến hành rà soát, nghiên cứu và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách dân số phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

c) Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh tiếp tục rà soát, tham mưu tích hợp các Chương trình, Đề án về công tác dân số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, bảo đảm phù hợp với bối cảnh mới và theo hướng dẫn của Bộ Y tế và các cấp có thẩm quyền.

d) Tăng cường ứng dụng truyền thông số trong triển khai các nội dung trọng tâm của công tác dân số với hình thức tuyên truyền đa dạng, phù hợp;

đồng thời đẩy mạnh phát triển các mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, tiếp tục duy trì và phát triển Trung tâm chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại các xã, phường.

đ) Kiện toàn tổ chức, bộ máy làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo phù hợp và đồng bộ; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, quản lý cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp và những người cung cấp dịch vụ; lồng ghép công tác dân số vào các chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

e) Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số/kế hoạch hóa gia đình theo hướng bảo đảm y tế cơ sở cung cấp được tất cả các loại dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cơ bản. Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với thanh niên; cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, can thiệp, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh, các mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

g) Phối hợp với Báo và Phát thanh, truyền hình Thái Nguyên và các cơ quan báo chí xây dựng chuyên mục, phóng sự, tin, bài tuyên truyền về công tác dân số; tập trung truyền thông các nội dung mới, trọng tâm của chính sách dân số; đồng thời đa dạng hóa hình thức truyền thông, ưu tiên ứng dụng các nền tảng số.

h) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học, từng bước tiếp cận và ứng dụng chuyển giao công nghệ y, sinh học tiên tiến về hỗ trợ sinh sản, tránh thai; tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh; dự phòng, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

#### **2.4. Sở Tài chính**

Trên cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách và đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

#### **2.5. Công an tỉnh**

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, địa phương liên quan đồng bộ kết nối dữ liệu về con người (*trên cơ sở dữ liệu gốc là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư*) sử dụng, thống nhất dữ liệu dân số chung toàn tỉnh phục vụ kịp thời, hiệu quả công tác hoạch định chính sách dân số trên địa bàn tỉnh.

#### **2.6. Thông kê tỉnh**

a) Phối hợp với Sở Y tế thực hiện công bố số liệu dân số trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ về số liệu toàn tỉnh, làm cơ sở phục vụ công tác đánh giá, xây dựng và triển khai quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Quản lý, khai thác, sử dụng và thống nhất dữ liệu dân số theo định kỳ.

### **2.7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin, báo chí, đơn vị, địa phương phối hợp chặt chẽ với ngành y tế đẩy mạnh tuyên truyền về các chủ trương, chính sách về dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh cơ sở nhằm cung cấp thông tin, kiến thức góp phần nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi của cộng đồng về công tác dân số.

b) Phối hợp lồng ghép nội dung dân số và phát triển trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; thực hiện tốt tiêu chí về dân số trong xét tặng các danh hiệu Gia đình văn hóa, Thôn, tổ dân phố văn hóa theo quy định. Tạo điều kiện để người cao tuổi tham gia sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phù hợp với sức khỏe.

### **2.8. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh**

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng thời lượng, chất lượng các chương trình phát sóng tuyên truyền về chính sách dân số; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về dân số nhằm cung cấp thông tin, kiến thức góp phần nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi của cộng đồng về công tác dân số.

### **2.9. Sở Tư pháp**

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về công tác dân số trên địa bàn tỉnh; phối hợp rà soát, tham mưu hoàn thiện và tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực dân số; phối hợp trong việc tham mưu HĐND tỉnh ban hành các chính sách về dân số phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hộ tịch theo quy định; phối hợp triển khai các nội dung liên quan đến công tác dân số thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý.

### **2.10. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành, đoàn thể, địa phương liên quan thực hiện các nội dung giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình, bình đẳng giới, các nội dung về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống,... cho học sinh, sinh viên; xây dựng mạng lưới truyền thông giáo dục, dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục ở các lứa tuổi, cấp học phù hợp; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành.

### **2.11. Sở Nội vụ**

a) Phối hợp với Sở Y tế tham mưu cấp có thẩm quyền củng cố tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác dân số các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm nguồn nhân lực công tác dân số được thống nhất, đồng bộ, thực hiện hiệu quả tại địa phương.

b) Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, địa phương rà soát, nghiên cứu, tham mưu các cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đội ngũ công tác viên dân số; hướng dẫn bổ sung tiêu chí về thực hiện chính sách dân số để làm căn cứ đánh giá, xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân.

### **2.12. UBND các xã, phường**

a) Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, tổ chức cụ thể hóa và triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện “Chiến lược dân số Việt Nam” đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, đưa các mục tiêu dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu sắc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác dân số trong tình hình mới; tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách dân số trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan chỉ đạo Trạm Y tế tổ chức triển khai các hoạt động dân số và phát triển theo kế hoạch, chỉ tiêu được giao; củng cố mạng lưới công tác viên dân số; quản lý, cập nhật dữ liệu dân cư và các chỉ số dân số theo quy định; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả các dịch vụ tại tuyến y tế cơ sở.

d) Quan tâm các loại hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng trong đó tiếp tục duy trì và phát triển Trung tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại các xã, phường.

đ) Tăng cường hoạt động hiệu quả của Ban chỉ đạo Dân số và Phát triển cấp xã; xây dựng kế hoạch triển khai các chương trình, Đề án về công tác dân số năm và giai đoạn theo chỉ đạo.

e) Bố trí nguồn lực bảo đảm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ công tác dân số tại địa phương theo khả năng cân đối ngân sách và tình hình, điều kiện thực tế; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân số trên địa bàn; khen thưởng và biểu dương kịp thời những tập thể và cá nhân thực hiện tốt; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm chính sách dân số; đôn đốc, theo dõi, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo UBND tỉnh và các sở, ngành có liên quan.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện “Chiến lược dân số Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp triển khai đảm bảo phù hợp, hiệu quả, theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế (b/c);
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Nhất);
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh (đ/c Linh);
- Các sở, ban, ngành;
- Báo và PTTH Thái Nguyên;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

*vtthuy\_KH03*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nông Quang Nhất**